

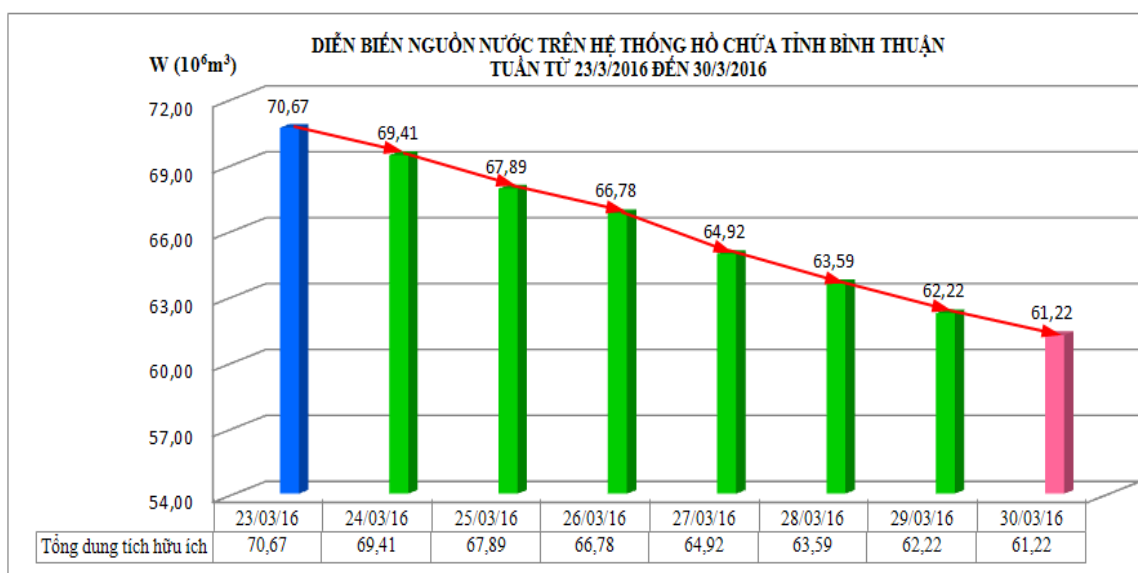
BẢN TIN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 01/04/2016 đến 08/04/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trên hệ thống hồ chứa tỉnh Bình Thuận từ ngày 23/03/2016 đến 30/03/2016



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong hệ thống hồ chứa tỉnh Bình Thuận từ ngày 23/03/2016 đến 30/03/2016

Diễn biến nguồn nước trong hệ thống hồ chứa tỉnh Bình Thuận từ ngày 23/03/2016 đến 30/03/2016 cho thấy: Tổng lượng nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có xu thế giảm mạnh (tổng lượng giảm trong tuần là 9,44 triệu m³), lượng giảm bình quân là : 1,348 triệu m³/ngày.

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 31/03/2016

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2016 tổng dung tích của 16 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 60,509 triệu m³ (chiếm 27,94% so với dung tích thiết kế), so với tuần trước (ngày 23/3/2016) đã giảm 10,688 triệu m³. Một số hồ đã cạn nước như hồ Trà Tân, Sông Phan, Núi Đất, Đá Bạc, Tà Mon, Sông Móng và hồ Suối Đá.

Bảng 1: Tổng hợp dung tích hồ chứa tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 31/03/2016

STT	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	<u>Đá Bạc</u>	0,833	4,870	9,718	0,392	4,478	0,441	9,85%
2	<u>Lòng Sông</u>	11,519	37,160	40,271	3,464	33,696	8,055	23,91%
3	<u>Cà Giấy</u>	14,354	36,921	63,209	8,409	28,512	5,945	20,85%
4	<u>Sông Khán</u>	0,790	2,014	2,520	0,261	1,753	0,529	30,21%
5	<u>Sông Quao</u>	37,772	73,000	80,000	5,700	67,300	32,072	47,66%
6	<u>Suối Đá</u>	2,280	9,131	12,786	1,273	7,858	1,007	12,82%
7	<u>Cấm Hàng</u>	0,798	1,180	1,215	0,013	1,167	0,785	67,30%
8	<u>Sông Móng</u>	4,742	37,156	51,515	2,985	34,171	1,757	5,14%
9	<u>Ba Bàu</u>	3,076	6,938	11,403	0,964	5,974	2,112	35,35%
10	<u>Du Dũ</u>	3,735	3,664	5,217	0,297	3,367	3,438	102,11%
11	<u>Tân Lập</u>	1,097	1,070	1,520	0,070	1,000	1,027	102,70%
12	<u>Tà Mon</u>	0,151	0,657	0,720	0,050	0,607	0,101	16,64%
13	<u>Núi Đất</u>	1,279	8,466	9,648	0,566	7,900	0,713	9,02%
14	<u>Trà Tân</u>	0,548	3,888	8,333	0,403	3,485	0,145	4,16%
15	<u>Sông Phan</u>	0,115	3,022	3,579	0,172	2,850	-0,057	-1,99%
16	<u>Phan Dũng</u>	3,671	13,674	18,925	1,233	12,441	2,438	19,59%
Tổng Cộng		86,761	242,811	320,579	26,252	216,559	60,509	27,94%

Dung tích hồ thủy điện Đại Ninh là 34,249 triệu m^3 (chiếm 13,61% so với dung tích thiết kế), so với tuần trước (ngày 23/03/2016) đã giảm 6,35 triệu m^3 . Dung tích hồ Thủy điện Hàm Thuận là 238,183 triệu m^3 (chiếm 45,59% so với dung tích thiết kế), so với tuần trước (ngày 23/03/2016) đã giảm 19,488 triệu m^3 . Dự kiến trong tháng 4/2016 mực nước tại các hồ thủy điện này tiếp tục giảm.

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 31/03/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	102,289	319,770	549,820	68,040	251,730	34,249	13,61%
2	<u>Hàm Thuận</u>	410,913	695,230	976,650	172,730	522,500	238,183	45,59%
Tổng Cộng		513,2	1.015,0	1.526,5	240,8	774,2	272,4	35,19%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ chứa thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

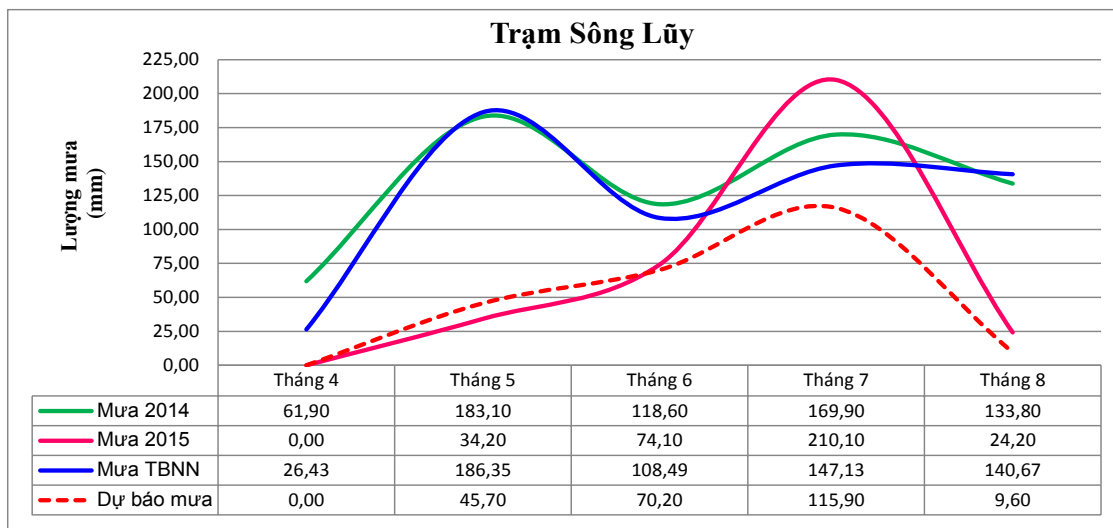
2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

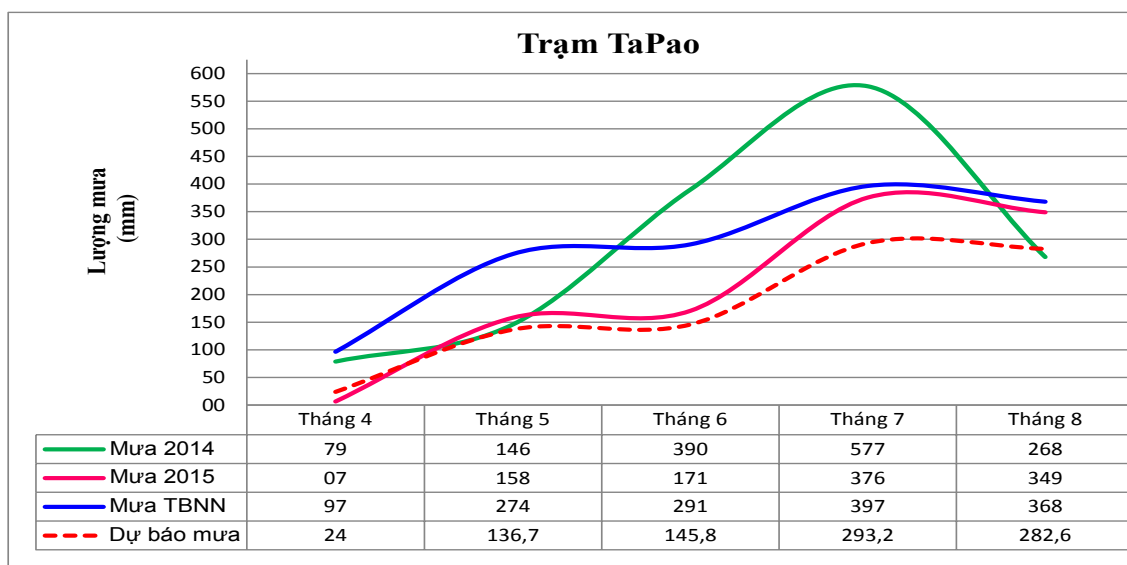
- Sử dụng mô hình thủy văn NAM để mô phỏng quá trình lượng mưa - dòng chảy mặt xảy ra trong phạm vi lưu vực sông của tỉnh Bình Thuận.
- Sử dụng mô hình cân bằng nước MIKE BASIN để mô phỏng phân bổ nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo mưa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

Trong tháng 04/2016 khu vực tỉnh Bình Thuận, lượng mưa ở mức thấp hơn khoảng 20% đến 40% so với TBNN cùng thời kỳ. Dự báo trong tuần hầu hết các nơi không mưa hoặc mưa nhỏ, lượng mưa không đáng kể (dưới 5mm với 1 ngày mưa); ngày nắng.



Hình 2: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 01/04/2016 đến 08/04/2016

Bảng 3: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập của tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/04/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10^6 m ³)	Nguồn nước hiện tại - 31/3/2016			Dự kiến nguồn nước đến 08/04/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10^6 m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 31/3/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10^6 m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 8/4/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,39	0,441	9,85%	26,01	▼ 0,283	6,32%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	62,76	8,055	23,91%	59,94	▼ 4,904	14,55%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	70,07	5,945	20,85%	69,62	▼ 4,752	16,67%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	103,69	0,529	30,21%	103,59	▼ 0,504	28,77%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	82,24	32,072	47,66%	81,61	▼ 30,12	44,76%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	43,93	1,007	12,82%	43,83	▼ 0,899	11,44%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,28	0,785	67,30%	24,20	▼ 0,732	62,72%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	66,30	1,757	5,14%	65,76	▼ 0,961	2,81%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,38	2,112	35,35%	40,00	▼ 1,409	23,59%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	61,06	3,438	102,11%	60,68	▼ 3,021	89,74%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,06	1,027	102,70%	43,84	▼ 1,030	103,01%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	43,40	0,101	16,64%	43,12	▼ 0,040	6,52%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	18,30	0,713	9,02%	18,09	▼ 0,38	4,80%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	92,90	0,145	4,16%	92,98	▲ 0,188	5,41%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	61,05	-0,057	-1,99%	61,05	■ -0,057	-1,99%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	199,80	2,438	19,59%	198,90	▼ 1,717	13,80%
	Tổng		216,559		60,51	27,94%		50,88	23,50%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện trạng

Kết quả dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/04/2016 cho thấy: Dung tích tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều giảm, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 08/04/2016 đạt 50,88 triệu m³ (chiếm 23,50% so với dung tích thiết kế), giảm 9,63 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 31/3/2016).

2.5. Dự báo nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận các tháng tiếp theo cho vụ Hè Thu năm 2016

Bảng 4: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập của tỉnh Bình Thuận các tháng tiếp theo của năm 2016

TT	LV Sông, hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập cuối vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu (10^6 m ³)						Tổng cộng (10^6 m ³)
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8		
1	Hồ Đá Bạc (*)	0,05	0,03	-	-	0,05	0,14	
2	Hồ Phan Dũng (*)	0,10	1,10	1,81	1,61	3,48	8,11	
3	Hồ Lòng Sông (*)	0,16	0,11	0,26	1,31	6,16	7,99	
4	Đập Sông Lũy	18,33	9,16	22,34	35,57	42,72	128,12	
5	Hồ Cà Giây	0,08	1,74	4,28	2,79	6,03	14,91	

6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn, Đồng Gòn, Trường An, Tầm Ru, Ma Ní	0,54	25,33	41,27	21,97	31,85	120,95
7	Hồ Sông Quao	1,40	3,72	27,79	34,04	46,82	113,77
8	Hồ Suối Đá	0,03	0,62	1,56	1,02	2,20	5,41
9	Hồ Sông Khán	0,03	0,43	1,04	0,70	1,50	3,69
10	Hồ Cà Giang	-	0,99	1,24	0,57	0,32	3,12
11	Hồ Cẩm Hàng	-	0,03	0,65	0,72	0,88	2,28
12	Hồ Sông Móng	0,05	3,32	3,37	3,14	7,21	17,09
13	Đập Ba Bàu	0,13	7,52	7,54	6,38	13,93	35,50
14	Hồ Đu Đù	-	0,46	0,60	0,91	0,83	2,79
15	Đập Sông Phan	0,08	3,39	12,16	12,86	14,73	43,22
16	Hồ Tân Lập	-	-	0,52	2,20	1,37	4,08
17	Hồ Tà Mon	-	0,01	0,99	0,98	3,62	5,58
18	Hồ Núi Đất	-	0,01	0,99	0,98	3,62	5,58
19	Hồ Sông Dinh	0,29	5,63	24,03	53,73	84,29	167,96
20	Đập Cô Kiều	-	0,00	0,78	0,78	2,89	4,46
21	Sông La Ngà (*) (Tới Đập Tà Pao)	75,22	100,90	157,49	158,86	213,01	705,47
22	Hồ Trà Tân (*)	0,36	2,30	2,20	2,22	4,21	11,30
	Tổng cộng						1.411,51

(*) Hồ có vụ Hè Thu bắt đầu từ tháng 4

Bảng 5: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện	Tháng (m ³ /s)					Tổng (10 ⁶ m ³)
	4	5	6	7	8	
Đại Ninh	7	2	5	11	11	95,39
Hàm Thuận- Đa Mi	25	25	20	36	36,2	376,98

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CUỐI VỤ ĐÔNG XUÂN VÀ HÈ THU 2016

3.1. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước trong tháng còn lại của vụ Đông Xuân 2015÷2016 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 32,5 triệu m³. Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 341,7 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 5/2016 : 119,6 triệu m³ và tháng 6/2016: 85,8 triệu m³).

Bảng 6: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông, hồ	Tổng nhu cầu nước còn lại của vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)	Vụ Hè Thu 2016								
			Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (ha)			Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)					
			Tháng 4	Lúa	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Tổng cộng		32,5	33.787,4	14.759,6	647,5	54,8	119,6	85,8	50,5	31,0	341,7
1	Hồ Đá Bạc (*)	-	150,0	-	-	0,6	0,47	0,44	0,32	-	1,8
2	Hồ Phan Dũng (*)	-	213,0	-	-	0,9	0,79	0,75	0,58	-	3,0
3	Hồ Lòng Sông (*)	-	3.095,0	356,9	79,2	11,0	8,71	8,31	5,90	-	33,9
4	Đập Sông Lũy	2,793	6.378,8	965,6	-	-	22,84	18,35	15,56	12,98	69,7
5	Hồ Cà Giấy	4,102	1.410,0	-	-	-	5,13	4,17	3,54	2,99	15,8

6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn, Đồng Gòn, Trường An, Tầm Ru, Ma Ní	3,977	1.027,0	-	-	-	4,91	4,17	3,75	3,34	16,2
7	Hồ Sông Quao	9,188	6.441,9	6.070,3	-	-	5,93	11,90	17,99	7,61	43,4
8	Hồ Suối Đá	0,379	43,5	33,6	-	-	0,03	0,07	0,11	0,04	0,2
9	Hồ Sông Khán	0,117	30,0	-	-	-	0,04	0,06	0,09	0,04	0,2
10	Hồ Sông Móng	0,219	-	177,6	-	-	0,13	-	-	-	0,1
11	Đập Ba Bàu	7,448	986,4	5.054,82	-	-	8,20	2,31	0,63	1,37	12,5
12	Hồ Đu Đu	1,086	-	886,1	-	-	0,66	-	-	-	0,7
13	Đập Sông Phan	0,809	-	604,8	-	-	0,52	0,07	0,07	0,07	0,7
14	Hồ Tân Lập	0,223	-	182,4	-	-	0,14	-	-	-	0,1
15	Hồ Tà Mon	0,166	-	137,4	-	-	0,10	-	-	-	0,1
16	Hồ Núi Đất	0,287	-	-	-	-	0,29	0,29	0,29	0,29	1,1
17	Hồ Sông Dinh	1,697	886,8	290,2	-	-	4,98	3,07	1,58	2,25	11,9
18	Đập Cô Kiều	0,055	-	-	-	-	0,06	0,06	0,06	0,06	0,2
19	Sông La Ngà (*) (Tới Đập Tà Pao)	-	13.024,2	-	568,3	42,1	55,45	31,73	-	-	129,3
20	Hồ Trà Tân (*)	-	100,9	-	-	0,2	0,27	0,09	-	-	0,5

(*) Hồ có vụ Hè Thu bắt đầu từ tháng 4

3.2. Dự báo khả năng cấp nước cuối vụ Đông Xuân và Hè Thu 2016

a. Vụ Đông Xuân 2015-2016

Với tình hình sản xuất hiện tại và dự báo nguồn nước cuối vụ Đông Xuân, dự kiến sẽ có:

- + 4 hồ/đập rơi vào tình trạng thiếu nước nghiêm trọng bao gồm: Hồ Ba Bàu (đáp ứng 30%), đập sông Phan (9,5%), đập Cô Kiều (0%), hồ Tà Mon (35%).
- + 1 hồ chứa đáp ứng một phần diện tích: Hồ Núi Đất (85%)
- + 10 hồ/đập đảm bảo cấp nước cho vụ Đông Xuân: Đập sông Lũy, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn..., hồ sông Quao, hồ Suối Đá, hồ sông Khán, hồ sông Móng, hồ Đu Đu, hồ Tân Lập, hồ sông Dinh.

b. Vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự kiến sẽ có:

- + 5/20 hồ chứa nguồn nước rất ít để bố trí diện tích tưới bao gồm : Hồ Lòng Sông (đáp ứng 43,9%), hồ Đá Bạc (29,3%), hồ Phan Dũng (47%), Tà Mon (12,6%), Cô Kiều (76%, thiếu nước vào tháng 5).
- + 3/20 hồ/đập chỉ đáp ứng một phần diện tích tưới: Đập sông Lũy (80,5%); hồ Cà Giây (93,4%); hồ Núi Đất (86,6%). Tuy nhiên nếu được điều tiết nguồn nước hợp lý từ thủy điện Đại Ninh thì đập sông Lũy và hồ Cà Giây có khả năng đảm bảo đủ nước tưới.
- + 12/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Hệ thống đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn..., Hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ sông Khán, hồ Sông Móng, Đập Ba Bàu, hồ Đu Đu, Đập sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập TaPao), Hồ Trà Tân.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa trong vụ Đông Xuân và Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7 :

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước cuối vụ Đông Xuân		Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu						Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)	Khả năng cấp nước tưới vụ Đông Xuân	Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)						
				Tháng 4	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	
1	Hồ Đá Bạc (*)		Đã kết thúc vụ Đông Xuân	0,15	0,38	0,427	0,318		1,275	29,3%
2	Hồ Phan Dũng (*)		Đã kết thúc vụ Đông Xuân	0,243	0,79	0,305	0,283		1,621	47,02%
3	Hồ Lòng Sông (*)		Đã kết thúc vụ Đông Xuân	1,699	7,229	6,769	3,388		19,085	43,9%
4	Đập Sông Lũy	0	Đủ nước 100%		13,68	0	0		13,68	80,50%
5	Hồ Cà Giây	0	Đủ nước 100%		1,055	0	0	0	1,055	93,40%
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
7	Hồ Sông Quao	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
8	Hồ Suối Đá	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
9	Hồ Sông Khán	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
10	Hồ Sông Móng	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
11	Đập Ba Bàu	5,211	30%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
12	Hồ Đu Đu	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
13	Đập Sông Phan	0,282	9,5%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
14	Hồ Tân Lập	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
15	Hồ Tà Mon	0,108	35,2%		0,089	0	0	0	0,089	12,6%
16	Hồ Núi Đất	0,043	85%		0,102	0,043	0,009	0	0,154	86,6%
17	Hồ Sông Dinh	0	Đủ nước 100%		0	0	0	0	0	Đủ nước 100%
18	Đập Cô Kiều	0,054	0%		0,054	0	0	0	0,054	76%
19	Sông La Ngà (*) (Tới Đập Tà Pao)		Đã kết thúc vụ Đông Xuân	0	0	0			0	Đủ nước 100%
20	Hồ Trà Tân (*)		Đã kết thúc vụ Đông Xuân	0	0	0			0	Đủ nước 100%
Tổng		5,698							37,013	

Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả Dự báo này, địa phương cần tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán có nguy cơ ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi; Đồng thời có kế hoạch điều tiết, sử dụng tiết kiệm hợp lý nguồn nước, bố trí thời vụ sản xuất phù hợp với điều kiện thời tiết, chú trọng công tác phòng và chữa cháy, nhất là cháy rừng.

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 31/3/2016

(Lưu ý: Bản tin này là những kết quả tính toán ban đầu. Để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com . /.